

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị **Trương Thị H** và anh **Triệu Văn Q**

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 07 năm 2024 về việc yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị **Trương Thị H**;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 08 năm 2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: Chị **Trương Thị H**, sinh năm 1997; Địa chỉ: **Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang**.

+ Người bị kiện: Anh **Triệu Văn Q**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang**.

- Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 08 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 08 năm 2024, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Trương Thị H** và anh **Triệu Văn Q** thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị **Trương Thị H** và anh **Triệu Văn Q** khai nhận quá trình chung sống có 02 con chung là cháu **Triệu Hà V**, sinh ngày 11/5/2015 và cháu **Triệu Bảo V1**, sinh ngày 01/5/2022. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận anh **Triệu Văn Q** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Triệu Hà V** và cháu **Triệu Bảo V1**. Chị **Trương Thị H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*)/02 cháu, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2024, cho đến khi cháu **V** và cháu **V1** đủ 18 tuổi. Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi các cháu là anh **Triệu Văn Q**.

*Số tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con chung, sau này chị **Trương Thị H** và anh **Triệu Văn Q** có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản và công nợ chung:** Chị **Trương Thị H** và anh **Triệu Văn Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (Nơi ĐKKH);
- Lưu TA.

**THẨM PHÁN**

**Đàm Thị Tư**

